

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+TD5+CLO	7:25	10+1+9	0+0+0		0+3+0	0+0+0	Chuyen 2 TD5-CLO
2		TD1+CI+RP1	7:25	3+5+6	0+0+0		0+6+11	0+0+0	
3		P8+BK3+BK15	7:25	8+5+3	0+0+0		10+0+9	0+0+0	
4		P5+CTK3+GTCl+VSP02	9:25	6+6+0	0+0+0		7+9+1+0	0+0+0	Chuyen 1 P5 (TD3)-VSP02, CHUYEN 1 CTK3-GTCl
5		PPD+BK9+BK8	9:25	20+1+1	0+0		15+0+0	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ 2 người TĐ5 về bờ chuyển đầu, đi P5 (TD3) chuyển cuối



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 04	TO: BK6 - TD5 - CLO	CREW: ATUẤN - Dương - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG KHOAI	BK6	53	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN SỸ MỸ	BK6	57	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRỊNH HỮU CHUNG	BK6	55-56	2	16		88	XAYLAP	Vietnamese
4	DINH NGOC THANH	BK6	59-60	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG MINH HAI	BK6	58	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
6	DO XUAN HIEP	BK6	61-62	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRẦN VINH	BK6	54	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TOÀN	BK6	51-52	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VAN DUONG	BK6	63-64	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG NGOC DANH	TD5	69	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TAM	CLO	59	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
12	TELESHENKO IVAN	CLO	74	1	17		120	KHOAN	Russian
13	HOANG VĂN HUNG	CLO	57	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MẠNH THẮNG	CLO	52	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	58	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN KHANG	CLO	56	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẬU TRỌNG HOANG	CLO	54	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN MẠNH	CLO	55	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
19	VUONG QUỐC VŨNG	CLO	53	1	8		50	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	9	14	133	610	0	0		CHUYỂN 02 PAX TỪ TD5 SANG CLO
2	TD5	1	1	4	70	0	3	2	
3	CLO	9	9	63	654	0	0		
TOTAL		19	24	200	1.334	0	3		
WEIGHT KG				200	1.334	0			

GRAND TOAL:

1.534 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/03/2022	TO: TD1 - CLI - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Anh - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÈ DỪNG	TD1	46	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THANH THAI	TD1	49-50	2	15		104	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HUU HUNG	TD1	48	1	15		76	KHOAN	Vietnamese
4	TRUÔNG HIÊN	CLI	98	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MẠNH THẮNG	CLI	96	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN DU	CLI	97	1	8	12	67	PSV	Vietnamese
7	BUI NGỌC TÂN	CLI	800	1	4		66	PSV	Vietnamese
8	TÔ CÔNG MINH	CLI	99	1	6		67	PSV	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HIÊN	RP1	75	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
10	IVANOV MAKSIM	RP1	78	1	15		116	XAYLAP	Russian
11	TRẦN VĂN SANG	RP1	77	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC QUYẾT	RP1	72	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN MẠNH	RP1	76	1	12		98	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM TIẾN ĐẠT	RP1	73-74	2	25		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	4	40	244	0	0		
2	CLI	5	5	31	358	12	6		
3	RP1	6	7	91	468	0	11		
TOTAL		14	16	162	1.070	12	17		
WEIGHT KG				162	1.070	12			

GRAND TOAL: 1.244 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P8 - BK3 - BK15	CREW: LHải - VTHU - HĐức - dững	ETA: 09:20
VANG-1			

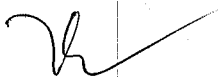
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM SƠN	P8	39	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM MINH DƯƠNG	P8	34-35	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO TIỀN ĐẠT	P8	37-38	2	18		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HOANG GIANG	P8	36	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRONG HOÀ	P8	31	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P8	30	1	4		65	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	33	1	9		74	PSV	Vietnamese
8	LÊ TIỀN QUY	P8	32	1	5		71	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT HẢI	BK3	85-86	2	10		59	MMS-SOT	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	BK3	87	1	10		55	MMS-SOT	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK3	76	1	7		80	MMS-SOT	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐỀ	BK3	90-91	2	10	40	61	MMS-SOT	Vietnamese
13	TRIỆU VĂN ĐÔNG	BK3	88-89	2	18		78	MMS-SOT	Vietnamese
14	NGUYỄN TRONG QUE	BK15	44	1	15	16	71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN DINH VINH	BK15	46	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN NGOC	BK15	47-48	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	10	69	579	0	10		
2	BK3	5	8	55	333	40	0		
3	BK15	3	4	48	204	16	9		
TOTAL		16	22	172	1.116	56	19		
WEIGHT KG				172	1.116	56			

GRAND TOAL: 1.344 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 01	TO: P5 - CTK3 - GTC1 - VSP02	CREW: ATUÂN - Dương - QTrương	ETA: 11:11
XANH-2.			

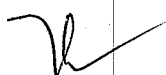
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG VAN LUONG	P5	40	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
2	DOAN XUAN CUONG	P5	43	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
3	LE MINH SY	P5	41-42	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM VAN DUNG	P5	44	1	10		52	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA * TD5	P5	45-46	2	12		74	KHAI THA	Vietnamese
6	NGUYEN THANH BINH * TD5	P5	47-48	2	11		64	KHAI THA	Vietnamese
7	PHAN CONG SAM	CTK3	02-03	2	15		68	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DANG TUNG	CTK3	05-06	2	14		67	PSV	Vietnamese
9	TRAN DINH MINH	CTK3	08-09	2	7		80	PSV	Vietnamese
10	PHAN VAN TUAN	CTK3	04	1	5	60	77	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN THU TRANG	CTK3	10	1	6		77	PSV	Vietnamese
12	HOANG VAN BAC	CTK3					70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	6	9	63	420	0	7	4	CHUYEN 01 PAX P5 - VSP02 CHUYEN 1 CTK3-GTC1
2	CTK3	6	8	47	439	60	9	4	
3	GTC1	0	0	0	0	0	1		
4	VSP02	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		12	17	110	859	60	17		
WEIGHT KG				110	859	60			

GRAND TOTAL: 1.029 KGS

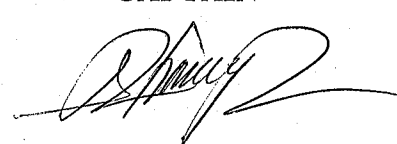
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/03/2022	TO: PPD - BK9 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Anh - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH BINH	PPD	38	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH VU	PPD	41	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG TRỌNG THAO	PPD	35	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HỮU NGUYỄN	PPD	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE CONG LUU	PPD	40	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG MINH ĐỨC	PPD	36	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH DUONG	PPD	39	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG MINH QUAN	PPD	30	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
9	HOANG MINH THUONG	PPD	29	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUAN	PPD	33-34	2	15	26	73	CODIEN	Vietnamese
11	LE HOANG VU	PPD	31	1	8		62	CODIEN	Vietnamese
12	LUONG ĐỨC GIANG	PPD	32	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM THANH HAI	PPD	22	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
14	LUU QUY TRUNG	PPD	24	1	4		73	PSV	Vietnamese
15	VU VAN TIEN	PPD	25	1	6	80	65	PSV	Vietnamese
16	TRAN MAU SON	PPD	23	1	5		78	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LINH	PPD	26	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	TA QUANG PHUC	PPD	21	1	6		110	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN TEO	PPD	27	1	5		53	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEN	PPD	20	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HOA	BK9	34-35	2	13		56	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC HAI	BK8	49-50	2	9		70	KHAI THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	21	160	1.449	106	15		
2	BK9	1	2	13	56	0	0		
3	BK8	1	2	9	70	0	0		
TOTAL		22	25	182	1.575	106	15		
WEIGHT KG				182	1.575	106			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+PVD1+MRM+RC5	7:25	1+16+5	0+0+0		1+7+7	0+0+0	Chuyen 1 TD1-PVD1, Chuyen 1 TD1-RC5

TTDBSX

NRN + P₇

9:25

0+0

3+10

Chở 40 vé

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - PVD1 - MRM - RC5	CREW: Dương - HÙNG - Vũ	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC NGU'	PVD1	01	1	10		74	PVD	Vietnamese
2	VÕ TÀ MẬU	PVD1	02	1	15		70	PVD	Vietnamese
3	PHẠM VĂN NHANH	PVD1	87-88	2	10		65	PVD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD1	94-95	2	10		70	PVD	Vietnamese
5	TRỊNH XUÂN LIÊM	PVD1	98	1	10		60	PVD	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD1	90	1	5		67	PVD	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC LÂM	PVD1	89	1	5		65	PVD	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TÀI	PVD1	04	1	7		70	PVD	Vietnamese
9	VŨ VĂN TRUNG	PVD1	91	1	10		75	PVD	Vietnamese
10	HUYNH TUÂN NGHỊ	PVD1	100	1	5		80	PVD	Vietnamese
11	NGUYỄN LINH	PVD1	99	1	4		85	PVD	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT TÂM	PVD1	06	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	TRẦN CHÍNH CUÔNG	PVD1	03	1	7		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÂN	PVD1	96-97	2	15		60	BAKER HU	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THU	PVD1	92-93	2	15		60	BAKER HU	Vietnamese
16	KULIK VIACHESLAV	MRM	41-42	2	12		66	AMNGR	Russian
17	NGUYỄN VĂN MẠNH	MRM	45	1	15		60	AMNGR	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC QUÂN	MRM	44	1	7		80	AMNGR	Vietnamese
19	LE TÔN VŨ	MRM	46	1	10		60	AMNGR	Vietnamese
20	ZHDANOV VLADIMIR	MRM	43	1	17		118	ПБИКРС	Russian

FLIGHT PLAN

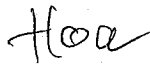
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 1 PAX TU TDI SANG PVD1 CHUYEN 01 PAX TU TDI SANG RC5
2	PVD1	15	19	133	1.041	0	12		
3	MRM	5	6	61	384	0	7		
4	RC5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	25	194	1.425	0	19		
WEIGHT KG				194	1.425	0			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

